

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	Ưu	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	400001	Cao Bảo An	14/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	K	Đ		4.9	4.9	5.4			6.25	4.5	3	13.75	
2	400002	Cao Văn An	21/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	K	Đ		5.2	4.8	6.3			4.75	4	4.2	12.95	
3	400003	Hồ Văn An	21/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		5.4	4.2	5.1			6.25	6.25	1.8	14.3	
4	400004	Lê Nhật Bảo An	30/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		7.3	7.1	5.8			6	7.75	4.2	17.95	
5	400005	Lê Thị Bảo An	21/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		6.3	6.3	6			7.25	7	5.2	19.45	
6	400006	Mai Đình An	18/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		6.7	8	5.8			7.25	7.5	6	20.75	
7	400007	Nguyễn Thị Bảo An	17/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		5.9	5.3	5.5			5.5	7.5	2.8	15.8	
8	400008	Phạm Thuý An	01/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.6	5.5	6.8			7.75	7.25	5	20	
9	400009	Trần Thị Bảo An	14/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	K		7.4	7.8	8.5			7.5	8.25	6.2	21.95	
10	400010	Bùi Ngọc Tuấn Anh	06/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	K	Đ		5.7	6.4	6.3			7	6.25	3.8	17.05	
11	400011	Lê Hoàng Anh	16/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		6.3	5.4	5.2			7	7	2.6	16.6	
12	400012	Lê Hồng Anh	10/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		6.1	5	6.9			6.33	6.5	3	15.83	
13	400013	Lê Ngọc Anh	03/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		5.7	4.8	6			6.75	5.5	5.4	17.65	
14	400014	Lê Quang Tuấn Anh	12/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		5.7	4.2	5.9			6.75	5.5	2.8	15.05	
15	400015	Lưu Nhật Anh	01/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		5.6	6.4	5.6			5.5	8.5	2.6	16.6	
16	400016	Nguyễn Đức Anh	14/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		6.7	8.1	6.7			6	8.5	7.8	22.3	
17	400017	Nguyễn Lê Bảo Anh	05/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	T	G	7.5	8.8	7.9			8	8.25	9.2	25.45	
18	400018	Nguyễn Nhật Anh	26/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	Đ	Đ		5.1	5.4	6.4			6.17	6	7.8	19.97	
19	400019	Nguyễn Quỳnh Anh	20/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		6.1	6.2	6.1			6	7.25	7.8	21.05	
20	400020	Nguyễn Thị Hoài Anh	22/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		6.6	6	6.2			6.5	6.75	4.2	17.45	
21	400021	Nguyễn Thị Kim Anh	07/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		5.9	5.7	5.8			7	7.75	3.8	18.55	
22	400022	Nguyễn Thị Lan Anh	14/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		5.5	5.8	5.1			5.25	6	4.2	15.45	
23	400023	Nguyễn Thị Phương Anh	17/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	T	G	8.8	8.2	8.9			9	7.75	8.2	24.95	
24	400024	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	29/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.6	5.9	7.4			8	7.5	5.2	20.7	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	Ưu	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	400025	Nguyễn Trâm Anh	09/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		6.9	6.1	5.9			6.75	6	5	17.75	
2	400026	Nguyễn Trâm Anh	15/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.5	5.5	6.9			5.83	6	7.6	19.43	
3	400027	Phạm Thị Kim Anh	05/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.5	5.9	6.2			6.5	6.75	4.8	18.05	
4	400028	Trần Hà Anh	12/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	T	G	8	7.9	8			7.5	7.75	7.4	22.65	
5	400029	Trần Văn Việt Anh	15/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7	7.2	6.6			7	8.25	5.2	20.45	
6	400030	Trương Tuấn Anh	10/05/2010	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		5.7	6	5.6			4.25	3.5	3	10.75	
7	400031	Bùi Thị Ngọc Ánh	18/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		6.4	5.2	5.5			7	6.75	2.8	16.55	
8	400032	Hoàng Thị Quỳnh Ánh	18/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		7.6	6.9	6.6			7.5	7.25	4.2	18.95	
9	400033	Mai Thị Ngọc Ánh	04/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		7	6.7	5.9			7.5	7	5.2	19.7	
10	400034	Mai Thị Ngọc Ánh	18/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		6.8	6.1	6.1			7	7.75	4.2	18.95	
11	400035	Nghiêm Thị Ánh	09/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	K		7.9	7.6	7.5			7.25	8	6	21.25	
12	400036	Lưu Vĩnh Kỳ Ân	29/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		6	6.9	5.8			6.5	8.25	4.8	19.55	
13	400037	Nguyễn Hoài Ân	25/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	K		7.1	8.3	8			7	8.5	5.2	20.7	
14	400038	Dương Gia Bảo	24/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	T	G	8.2	7.3	7.4			8.25	8.5	7.2	23.95	
15	400039	Hoàng Gia Bảo	19/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	K	Đ		5.5	5.9	6.2			6.42	3	6.6	16.02	
16	400040	Lê Gia Bảo	24/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	K		6.9	8.4	6.8			8	8.75	6.8	23.55	
17	400041	Lê Hữu Bảo	13/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	K	Đ		5.1	5.1	4.8			5	6.75	2	13.75	
18	400042	Lê Thanh Gia Bảo	09/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.5	6.3	6.6			7	7.25	6	20.25	
19	400043	Lê Thế Gia Bảo	17/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	T	G	7.8	8	8.2			8.25	8	7.2	23.45	
20	400044	Lê Văn Bảo	23/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	K		7.3	6	6.1			7.5	8	3.6	19.1	
21	400045	Mai Văn Bảo	11/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	K	K		6.6	7.8	6.6			6.25	8.25	6.2	20.7	
22	400046	Nguyễn Gia Bảo	12/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		5.4	5.2	6.2			5	6.5	4	15.5	
23	400047	Nguyễn Gia Bảo	21/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.8	6.5	8.1			6.25	8.25	7.2	21.7	
24	400048	Nguyễn Thiên Bảo	31/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		5.3	7.5	6.4			7	8	5.6	20.6	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	Ưu	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	400049	Nguyễn Tiến Bảo	13/07/2011	Tỉnh Đồng Tháp	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.8	6.8	6.6			7.25	8.25	6.8	22.3	
2	400050	Phạm Thiên Bảo	03/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	T	G	8.1	9.4	8.5			7	8.75	8	23.75	
3	400051	Cao Khả Bi	03/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	K	Đ		5	5	5.8			6	2.75	5.4	14.15	
4	400052	Hoàng Đình Bi	21/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		5.9	5.6	5.8			7	7.75	6	20.75	
5	400053	Nghiêm Thị Ngọc Bích	29/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		7.1	6	7.3			6.25	6.75	5	18	
6	400054	Nguyễn Thị Như Bình	19/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.7	6.1	6.5			8	7	5	20	
7	400055	Trần Thị Thanh Bình	21/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		6.2	4.6	5.1			5.5	4	4	13.5	
8	400056	Nguyễn Bá Mậu Bình	02/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.7	5.7	6			7	6.5	5.2	18.7	
9	400057	Hoàng Quốc Cảnh	04/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.5	7.9	7.9			7.75	8.5	6.8	23.05	
10	400058	Nguyễn Huyền Châm	25/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		8.1	6.8	7.6			8.5	7.25	7.6	23.35	
11	400059	Lê Thị Bảo Châu	14/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	T	G	8.4	8.4	7.4			8.25	8.75	7.4	24.4	
12	400060	Lê Thị Bảo Châu	30/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	T	G	8.1	7.3	8.1			8	8.75	7.6	24.35	
13	400061	Ngô Minh Châu	17/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.8	8.8	6			8	8.75	7	23.75	
14	400062	Nguyễn Ngọc Châu	02/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.7	5.9	6.4			7.5	7	6.8	21.3	
15	400063	Nguyễn Thị Minh Châu	16/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.7	6.6	6.3			7.75	7.75	5.4	20.9	
16	400064	Nguyễn Thị Ngọc Châu	24/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		6.2	6.3	6.6			6.5	7.5	5.2	19.2	
17	400065	Lê Thị Quỳnh Chi	27/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		5.7	6.9	5			4.25	7	3.4	14.65	
18	400066	Mai Thị Kim Chi	23/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		6.2	5	5.2			6.75	7	2.6	16.35	
19	400067	Nguyễn Thị Kim Chi	21/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		6.7	6.9	7			6.25	6.25	3.4	15.9	
20	400068	Nguyễn Yến Chi	04/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.9	7.1	7.5			7.5	7.25	6.8	21.55	
21	400069	Bùi Văn Chiến	20/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	K	Đ		5.7	5.5	4.1			4	3.5	4.6	12.1	
22	400070	Đồng Minh Chiến	01/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	K	Đ		6.4	5.8	5.5			5.5	3	2.8	11.3	
23	400071	Mai Hưng Chiến	05/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	K	CĐ		4.3	4.4	3.7						0	
24	400072	Phạm Trần Xu Chín	07/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	K		7	7.2	7.5			6.75	7.5	6.4	20.65	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	Ưu	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	400073	Đậu Minh Chung	18/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	K	Đ		5.7	5.9	5.5			5.5	7.5	3.2	16.2	
2	400074	Trần Thị Minh Chuyên	12/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	K		6	6.9	8.7			6	7	5.4	18.4	
3	400075	Dương Văn Công	06/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	K	Đ		5.3	5.4	4.8			6.75	3.75	4.6	15.1	
4	400076	Nguyễn Tiến Công	19/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		6.7	6.8	5.6			6.25	6.25	4	16.5	
5	400077	Dương Văn Cường	20/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	K	Đ		5.1	4.4	4.1			6.5	1	3	10.5	
6	400078	Lê Văn Cường	27/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.2	6.5	6.5			8	7.75	5.2	20.95	
7	400079	Nguyễn Hữu Cường	19/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		6	5.3	6.1			6.5	5.75	6	18.25	
8	400080	Nguyễn Trí Cường	05/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	K	Đ		4.9	4.7	6			6.25	2.75	3.6	12.6	
9	400081	Nguyễn Văn Quốc Cường	12/05/2009	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	Đ	Đ		5	4.4	5.5			3	2	3	8	
10	400082	Phan Thành Danh	10/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.3	6.6	6.7			6	7.5	6.8	20.3	
11	400083	Trần Hạo Dân	14/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		5.9	6.1	5.5			6	6.25	3	15.25	
12	400084	Đậu Thị Ngọc Diệp	03/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	K		6.7	7.3	7.1			7	8	6.6	21.6	
13	400085	Hồ Thị Ngọc Diệp	24/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		7	5.2	5.7			7.75	7.5	3	18.25	
14	400086	Phạm Quang Dục	21/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	K	Đ		5.2	5.4	5.8			5.5	4.75	5.8	16.05	
15	400087	Lê Thị Thủy Dung	21/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		8.1	7.2	8.3			8	7.75	7.8	23.55	
16	400088	Lê Hữu Hoàng Dũng	20/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.8	8.1	8			8.25	8.5	7.4	24.15	
17	400089	Lê Tấn Dũng	20/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	K	Đ		5.4	4.8	5.5			6.25	5.25	6.2	17.7	
18	400090	Nguyễn Quang Dũng	23/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	K	CĐ		4.7	4.1	4.3						0	
19	400091	Phạm Trọng Dũng	01/07/2010	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	K	CĐ		4.8	4.3	4.4						0	
20	400092	Trần Phạm Ngọc Dũng	13/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.9	7.9	8.8			7.25	8.5	8.2	23.95	
21	400093	Mai Đình Duy	27/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		6.7	7.6	6.3			5.75	8	4.6	18.35	
22	400094	Trần Anh Duy	12/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	K		5	7.6	6.8			4.25	8	5	17.25	
23	400095	Cao Thị Ánh Dương	30/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		5.9	6	5.3			6	7.25	4.2	17.45	
24	400096	Đỗ Lê Dương	06/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.4	6.5	7.1			7	8	8.4	23.4	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	Ưu	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	400097	Lưu Tuấn Dương	17/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	T	G	8.1	8	8.2			6.25	7.5	6.4	20.15	
2	400098	Nguyễn Đại Dương	01/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	K	CĐ		4.7	3.8	4.8						0	
3	400099	Nguyễn Thái Dương	07/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		5.6	6.6	8.6			7	8	8.2	23.2	
4	400100	Nguyễn Thuý Dương	30/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.1	7.1	7.4			7.25	7.75	7	22	
5	400101	Đậu Linh Đan	16/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	T	G	6.7	8	8.1			7.75	8.5	5.6	21.85	
6	400102	Đậu Thị Linh Đan	21/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		6.9	5.9	7			7	7.5	3.6	18.1	
7	400103	Nguyễn Linh Đan	15/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	T	G	8.9	7.6	8			9	8.5	8.2	25.7	
8	400104	Nguyễn Trần Linh Đan	17/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	T	G	8.6	7.2	8.6			8	8.25	7.8	24.05	
9	400105	Phạm Văn Đan	10/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		6.2	5.5	5.2			7	7.25	3.2	17.45	
10	400106	Hoàng Quốc Đạt	15/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		4.8	6.1	4.8			7	7.25	4.4	18.65	
11	400107	Hoàng Tuấn Đạt	09/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	K	Đ		5.5	5.5	4.9			6.25	6.5	5	17.75	
12	400108	Mai Tiến Đạt	11/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		6.8	5.9	6			7.75	7.5	6.8	22.05	
13	400109	Mai Tiến Đạt	16/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	Đ	CĐ		4.1	3.6	4.5						0	
14	400110	Mai Tiến Đạt	07/12/2010	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		5	4.3	5.4			4.5	2	3.4	9.9	
15	400111	Mai Văn Tiến Đạt	16/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	K	CĐ		4.3	3.9	4.9						0	
16	400112	Nguyễn Văn Đạt	11/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		6.5	6.9	5.6			7.5	8.25	2.4	18.15	
17	400113	Phạm Văn Đạt	12/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	T	G	7.5	8.5	6.9			8	8.75	7.2	23.95	
18	400114	Trần Văn Thành Đạt	21/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		6.2	6	6.3			7	7.75	5.6	20.35	
19	400115	Hoàng Hải Đăng	30/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	K	Đ		5.3	5.5	5.5			3.75	6	4.6	14.35	
20	400116	Hoàng Văn Đăng	06/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		4.9	3.8	5.4			4	1.75	2.8	8.55	
21	400117	Nghiêm Hải Đăng	31/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		5.6	5.6	5.7			4.75	7.5	4	16.25	
22	400118	Lê Xuân Đông	11/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	Đ	Đ		5.7	4.5	4.5			4.75	1.5	1.8	8.05	
23	400119	Lê Văn Đồng	02/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	K	CĐ		4.3	4.7	4.3						0	
24	400120	Doãn Văn Minh Đức	29/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		5.1	4.6	6.1			5	3.25	2	10.25	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	Ưu	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	400121	Lê Minh Đức	21/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		5.5	4.3	5.6			6.75	3.75	3.8	14.3	
2	400122	Lê Ngọc Đức	05/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		6	6.3	6.3			7.75	8	3	18.75	
3	400123	Phạm Hoàng Đức	10/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		5.9	6.1	5.9			6.5	7.5	2.2	16.2	
4	400124	Vũ Ngọc Anh Đức	05/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		5.6	5.9	5.8			6	7.25	3.6	16.85	
5	400125	Đỗ Tuấn Giang	17/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		5	5.9	5.7			5.5	7.5	5	18	
6	400126	Nguyễn Thị Hà Giang	05/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	K	Đ		6.1	5	5.5			6.25	8	4.4	18.65	
7	400127	Nguyễn Thu Giang	05/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	T	G	8.8	8.1	9			8.5	8.75	10	27.25	
8	400128	Đỗ Văn Giới	06/06/2010	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	K	Đ		5.1	5	3.6			0.5	3.75	5.8	10.05	
9	400129	Cao Thị Khánh Hà	21/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	T	G	8.3	6.7	8.1			8	7.5	8.2	23.7	
10	400130	Hoàng Thị Thanh Hà	08/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	T	G	8.7	7.7	8.4			8	8.5	8.6	25.1	
11	400131	Nguyễn Văn Hải	12/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		7.1	8.1	7			6.5	7.75	5.8	20.05	
12	400132	Trần Gia Hân	19/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		7.3	7.6	6.7			7.75	7.75	5.2	20.7	
13	400133	Lê Hữu Hậu	13/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	K	Đ		5.1	5.1	5.8			5.5	3	2.2	10.7	
14	400134	Lê Thị Hiền	18/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	T	G	8.7	8.3	8.6			8	8	7.4	23.4	
15	400135	Nguyễn Thị Hiền	18/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		8.2	7.3	6.4			7.25	7.5	3.6	18.35	
16	400136	Dương Công Hiếu	04/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		8.1	7.6	7.8			8	7.5	7	22.5	
17	400137	Lê Thị Hiếu	26/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		7.4	5.1	6.7			7.25	5.75	3.8	16.8	
18	400138	Mai Đình Hiếu	01/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		5.8	5.5	5			6.75	7.75	2	16.5	
19	400139	Nguyễn Quang Hiếu	23/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	K	CĐ		4.1	3.9	4.5						0	
20	400140	Nguyễn Thành Hiếu	18/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		6.9	5.8	6			7	7.25	6.8	21.05	
21	400141	Trần Trung Hiếu	05/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.2	8.9	7.7			7	9.5	7.8	24.3	
22	400142	Nghiêm Quỳnh Hoa	26/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.5	7	7.2			7	7.5	5.4	19.9	
23	400143	Trần Văn Hòa	19/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.2	7.6	7.4			6.25	7.25	5.4	18.9	
24	400144	Lê Thị Hoài	09/04/2011	Tỉnh Gia Lai	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.1	6	7.1			5.75	5	4.8	15.55	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	ƯT	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	400145	Nguyễn Thị Thu Hoài	28/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	T	G	8.2	7.5	7.8			7.5	7.75	8.4	23.65	
2	400146	Phạm Thị Thu Hoài	13/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		6.4	5.5	6.1			6.75	6.25	6	19	
3	400147	Đồng Duy Hoàng	24/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		6.3	7	5.7			7	7.75	3.6	18.35	
4	400148	Hồ Huy Hoàng	24/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	K	Đ		4.7	5	4.2			5.5	6.5	2.4	14.4	
5	400149	Mai Văn Hoàng	14/05/2010	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	K	K		5.5	7.2	6.1			6.5	7.5	4.2	18.2	
6	400150	Nguyễn Thị Mai Hoàng	29/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.4	6.2	6.4			7.5	7.25	3.6	18.35	
7	400151	Trần Nhật Hoàng	01/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	Đ	Đ		5	4.8	5.1			6.25	6.75	5.2	18.2	
8	400152	Trần Vũ Hoàng	29/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.6	7.2	5.6			7	7.5	4.6	19.1	
9	400153	Dương Thị Hồng	20/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		5.5	5.7	5.3			6.25	2.75	2	11	
10	400154	Cao Khả Huy	05/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	Đ	CĐ		4.1	4.4	4.4						0	
11	400155	Đặng Bá Huy	01/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	K	CĐ		3.9	4.2	4						0	
12	400156	Đinh Văn Gia Huy	01/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	T	G	8	8	8.5			7.75	8.5	7.4	23.65	
13	400157	Đồng Phúc Huy	25/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		6.7	6.8	5.7			7	7.25	3.4	17.65	
14	400158	Đỗ Tuyên Huy	30/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	K	Đ		6.3	5.2	5.5			6.5	5.25	4.2	15.95	
15	400159	Phạm Thanh Huy	12/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		5.2	4	3.8			5	3	2.6	10.6	
16	400160	Vũ Gia Huy	26/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	K		6.8	6.8	6.8			5	7.5	5.6	18.1	
17	400161	Hoàng Thị Khánh Huyền	22/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	T	G	8.4	8.3	8.9			8.25	8.75	7.8	24.8	
18	400162	Hoàng Thị Khánh Huyền	19/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		6.8	5.8	5.5			6.5	6.5	5.4	18.4	
19	400163	Mai Thị Thanh Huyền	30/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		7.4	7	7.2			6.25	7.25	3.4	16.9	
20	400164	Nguyễn Thị Khánh Huyền	26/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.1	5.6	6.5			6	7.5	2.4	15.9	
21	400165	Nguyễn Thị Khánh Huyền	16/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		7	5.3	6			6.5	5	3.8	15.3	
22	400166	Nguyễn Thị Thu Huyền	14/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	K		6.7	7.1	8.9			6	8.25	4.6	18.85	
23	400167	Nguyễn Thị Thu Huyền	27/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		5.4	5.7	6.3			6.25	7.5	4	17.75	
24	400168	Châu Long Hưng	19/05/2010	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		5.3	4.8	5.2			5.75	6	2.8	14.55	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	ƯT	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	400169	Bùi Thị Thu Hương	01/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	K	Đ		4.4	4.4	5			4.25	4	2.6	10.85	
2	400170	Trịnh Thị Diệu Hương	26/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.6	7.1	7.7			7	8.5	7.4	22.9	
3	400171	Nguyễn Tiến Kha	15/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		6.2	5.1	5			5.25	6.75	3.6	15.6	
4	400172	Nguyễn Vũ Dương Khải	07/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		6.1	5.7	6			7	7.25	5.2	19.45	
5	400173	Phan Văn Khải	04/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		6	6.5	5			5	4	3	12	
6	400174	Trần Văn Khải	06/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	K	Đ		5.4	4.6	5.7			3	2.5	1.6	7.1	
7	400175	Lê Hữu Bảo Khang	26/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	K	Đ		4.4	5.5	5.8			4.75	2.75	2.2	9.7	
8	400176	Lê Hữu Khang	12/01/2010	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		5.7	4.7	4.1			4.25	5	1.6	10.85	
9	400177	Lê Phạm Hoàng Khang	21/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	Đ	Đ		5	5	5.3			4.75	0.5	2.6	7.85	
10	400178	Nguyễn Hiền Khang	25/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.7	6.3	6.1			7.5	8	5.6	21.1	
11	400179	Nguyễn Lê Minh Khang	02/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.8	6.2	6.8			6.75	7.25	5.4	19.4	
12	400180	Nguyễn Thế Khang	10/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	K	Đ		5.3	6.1	5.3			4	1.5	2.2	7.7	
13	400181	Trần Văn Tuấn Khang	10/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	K		6.9	6.9	9.1			5.5	8	6.8	20.3	
14	400182	Hồ Quốc Khánh	04/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		5.6	7.2	6.2			6	7.75	4.6	18.35	
15	400183	Mai Hưng Gia Khánh	06/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	T	G	8.6	8.2	8.7			7.25	8.5	7.2	22.95	
16	400184	Nguyễn Duy Khánh	10/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		5.3	7.1	6.1			7.25	8.25	6	21.5	
17	400185	Nguyễn Gia Khánh	19/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	K	CĐ		4.4	3.9	4.3						0	
18	400186	Nguyễn Văn Khánh	14/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	K	Đ		6.5	5.8	6.3			6.25	3	2.2	11.45	
19	400187	Nguyễn Vân Khánh	30/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	K	Đ		4.2	4	5.5			5.25	0.75	3.8	9.8	
20	400188	Trần Trung Khánh	08/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	K	Đ		5.1	5	5.4			4	2.5	3.4	9.9	
21	400189	Đồng Gia Khiêm	21/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		5.2	7.3	5.2			5.25	8.5	4.8	18.55	
22	400190	Lê Hữu Khoa	19/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		5.4	4.8	6.1			5.5	4.25	8	17.75	
23	400191	Mai Duy Khoa	01/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	T	G	8.3	7.7	8.5			7.5	8.25	8.2	23.95	
24	400192	Ngô Đăng Khoa	10/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.1	6.9	7.9			7.5	8.25	7.8	23.55	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	Ưu	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	400193	Nguyễn Anh Khoa	15/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	T	G	7.3	8.1	8.5			5.75	8.25	6	20	
2	400194	Nguyễn Lê Anh Khoa	05/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.9	6.1	6.8			6.25	8	4.8	19.05	
3	400195	Trần Anh Khoa	05/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	T	G	8.2	8.4	7.6			6.75	8.25	5.6	20.6	
4	400196	Trần Đăng Khoa	30/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		5.2	6.9	6.5			6.25	8.25	4.2	18.7	
5	400197	Lê Văn Khoái	18/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		5.4	5	3.6			4.75	6	2	12.75	
6	400198	Dương Văn Minh Khôi	16/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.8	6.9	7.6			7.75	8	4.8	20.55	
7	400199	Lê Quang Khôi	30/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.4	6.8	6.9			7.25	8.25	5.6	21.1	
8	400200	Nguyễn Đăng Khôi	31/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	K	Đ		6.9	5.7	4.9			7	5.25	2.2	14.45	
9	400201	Nguyễn Bá Kiên	19/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		6.2	5.4	6			7	5.5	4.4	16.9	
10	400202	Nguyễn Tấn Kiên	06/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.3	6.2	6.6			8	8.5	5.6	22.1	
11	400203	Trần Trung Kiên	03/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	K	Đ		4.6	4.3	6.3						0	
12	400204	Cao Văn Kiệt	24/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		7.4	6.7	5.8			7	7.75	3.4	18.15	
13	400205	Dương Tuấn Kiệt	23/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		6.2	5.6	4.6			6.75	5.5	2.4	14.65	
14	400206	Lê Doãn Tuấn Kiệt	06/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		7.6	7.7	7.2			6.5	5.5	5.2	17.2	
15	400207	Nghiêm Gia Kiệt	01/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	K	CĐ		4	3.9	4.8						0	
16	400208	Nguyễn Ngọc Tuấn Kiệt	13/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.6	6.8	6.6			6.25	8	7.6	21.85	
17	400209	Nguyễn Tuấn Kiệt	05/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	K		6.6	8.1	5.4			6.25	8.25	4.8	19.3	
18	400210	Trần Tuấn Kiệt	05/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	Đ	Đ		5.7	4.9	5.2			5.25	2	3.4	10.65	
19	400211	Trần Văn Kiệt	02/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	K		6.7	8	5.8			6.5	8	3.4	17.9	
20	400212	Hoàng Kỳ	30/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.2	7	7			7.25	7.25	5.6	20.1	
21	400213	Lê Trọng Thiên Kỳ	23/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.5	8.1	7.2			7.5	8.5	7.2	23.2	
22	400214	Nguyễn Thị Kỳ	24/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		7.4	6	5.1			6.5	6.25	3	15.75	
23	400215	Phạm Hữu Kỳ	12/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		6.4	5	6.1			6.25	6	1.8	14.05	
24	400216	Lưu Mai La	05/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	K	K		6.9	5.7	5.7			6.5	7.25	2.8	16.55	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	Ưu	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	400217	Hoàng Gia Lâm	21/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		5.8	6	7.2			5	6.75	3.6	15.35	
2	400218	Nghiêm Thùy Lâm	26/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	K		7.3	6.2	8.5			6.5	7.25	7.2	20.95	
3	400219	Nguyễn Trần Gia Lâm	24/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.2	5.7	7.1			7	7	5.6	19.6	
4	400220	Mai Thị Thuỳ Liên	10/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	K	CĐ		4.7	3.9	4.5						0	
5	400221	Cao Hoàng Linh	10/07/2011	Thành phố Hà Nội	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	T	G	8.3	7.9	8.5			8	8	8.4	24.4	
6	400222	Hoàng Thị Mai Linh	24/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.2	6.5	7.2			7.5	8	6.8	22.3	
7	400223	Hoàng Trường Linh	16/10/2011	Tỉnh Cà Mau	THCS Hải Hà	T	K		7.7	5.8	6			7	6.5	3.6	17.1	
8	400224	Lê Nguyễn Diệu Linh	24/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		7.3	4.4	6.6			5.75	6.75	4.8	17.3	
9	400225	Lê Nguyễn Thảo Linh	20/10/2011	Thành phố Hải Phòng	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	T	G	8.1	8	9			8.75	8.75	9	26.5	
10	400226	Lê Thị Phương Linh	29/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	T	G	8.4	8	8			8.75	8	6.6	23.35	
11	400227	Mai Thị Linh	23/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		5.7	5.1	5.6			6	5.5	3.6	15.1	
12	400228	Mai Thị Yến Linh	16/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		7.4	6	5.4			7	7.75	3.4	18.15	
13	400229	Nguyễn Hà Linh	23/12/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		8.4	6.2	8.1			8.5	7.5	7.6	23.6	
14	400230	Nguyễn Hoàng Linh	02/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	T	G	8.1	8.7	7.2			6.75	8	7.2	21.95	
15	400231	Nguyễn Thị Bảo Linh	26/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7	5.4	7.1			7	5.25	4.8	17.05	
16	400232	Trần Hải Tuấn Linh	03/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		5.4	4.7	6.7			4.5	2.5	3.4	10.4	
17	400233	Trần Phương Linh	20/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		5.7	6.2	6.1			6	6.75	4	16.75	
18	400234	Trần Vũ Linh	09/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.4	6.4	7.3			7.75	8	2.8	18.55	
19	400235	Trương Nhật Linh	02/05/2011	Tỉnh Ninh Bình	Thcs&thpt Nghi Sơn	K	Đ		5.1	4.3	4.9			5.25	3.75	4.6	13.6	
20	400236	Đào Văn Long	30/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.2	6.8	7.3			8	8.5	5.2	21.7	
21	400237	Hoàng Văn Long	04/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		5.6	4.7	5.2			5.75	1.75	1.4	8.9	
22	400238	Lê Thanh Long	13/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.9	6.7	8.1			6.75	7.25	8.2	22.2	
23	400239	Lê Thành Long	19/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	K	K		7	5.4	6.6			6.5	7.25	6	19.75	
24	400240	Nguyễn Đình Hoàng Long	04/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.8	6.3	6.4			5.5	7.25	6.4	19.15	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	Ưu	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	400241	Nguyễn Thế Gia Long	03/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		5.5	6.6	6			5.25	7.75	3.2	16.2	
2	400242	Nguyễn Thế Long	18/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	K	Đ		4.6	5.1	4.7			5	3.25	2.6	10.85	
3	400243	Cao Đại Lộc	21/12/2009	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	Đ	Đ		5.7	5.7	5.1			5.75	5.5	3.6	14.85	
4	400244	Mai Bảo Lộc	25/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	T	G	6.8	8.7	8.1			6	8.5	8.2	22.7	
5	400245	Nguyễn Việt Lực	08/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		6.1	5.5	5.5			6	7.75	5.8	19.55	
6	400246	Mai Văn Lượng	10/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		5.9	5.6	4.9			5.75	5.25	3.2	14.2	
7	400247	Hoàng Khánh Ly	23/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.3	6.7	7			7.75	7.25	7	22	
8	400248	Mai Thị Khánh Ly	15/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	T	G	8	8	7.8			8	8.25	7	23.25	
9	400249	Mai Thị Khánh Ly	20/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	T	G	8.3	8.3	7.6			7.25	8.25	5.6	21.1	
10	400250	Nghiêm Thị Hải Ly	06/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.5	5.2	6			6.75	4.25	3.2	14.2	
11	400251	Nguyễn Thị Khánh Ly	02/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		6.2	5.9	5.3			6.75	5.5	4.6	16.85	
12	400252	Nguyễn Thị Lý	12/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		6.4	4.9	5.5			6.75	5.5	3.2	15.45	
13	400253	Nguyễn Thị Mai	09/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		7.8	8.6	6			6.75	7.75	6.4	20.9	
14	400254	Nguyễn Thị Ngọc Mai	15/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		6.3	6.2	4.6			7.25	8	5.6	20.85	
15	400255	Vũ Thị Xuân Mai	23/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.4	7.1	7.1			7.25	8	8.4	23.65	
16	400256	Nguyễn Bá Mạnh	29/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		5.7	4.7	5.1			5.5	7	4.6	17.1	
17	400257	Trần Minh Mẫn	26/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		5.1	5.2	5			5.5	6	3.4	14.9	
18	400258	Đỗ Tuấn Minh	05/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		6.1	6.4	5.3			6.25	8	3.8	18.05	
19	400259	Đỗ Văn Minh	02/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		6.5	4.5	5.1			6.75	5.75	2	14.5	
20	400260	Lê Đức Minh	27/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.5	7.2	6.9			8	8.25	5.2	21.45	
21	400261	Lô Đình Minh	29/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.8	5.9	7	1		7	6.75	6.4	21.15	
22	400262	Nguyễn Anh Minh	26/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		5.8	4.4	6.6			6.25	5.25	6.4	17.9	
23	400263	Phạm Nhật Minh	09/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		4.5	5.6	5.3			5.25	7	4	16.25	
24	400264	Trần Quang Minh	01/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	T	G	7.1	7.7	8.5			7.25	7.75	6.4	21.4	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	Ưu	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	400265	Trần Thị Minh	01/08/2009	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		6.2	4.8	5.1			4.75	5.25	3.2	13.2	
2	400266	Đậu Thị Trà My	07/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	K		7.2	7.6	6.3			6.25	7.5	5	18.75	
3	400267	Đồng Thị Trà My	23/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	K		7.3	7	6.1			6.75	7	5	18.75	
4	400268	Lê Thị Trà My	17/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.8	5.6	6.6			7	7.25	5.4	19.65	
5	400269	Nguyễn Thị Trà My	02/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		7.1	7.2	7			6.75	7.25	5.8	19.8	
6	400270	Nguyễn Thị Trà My	11/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		5.5	5.3	5.1			6.25	4.75	4.8	15.8	
7	400271	Nguyễn Thị Y My	10/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		6.5	4.2	5.9			7	3.25	5.2	15.45	
8	400272	Vũ Dương Hà My	05/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.8	6.2	6.4			7.25	7.5	7	21.75	
9	400273	Trần Du Mỹ	29/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		6.9	5.6	6.4			4.25	6	4	14.25	
10	400274	Mai Lê Ly Na	26/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		5	5.5	5.5			5	6.25	3.8	15.05	
11	400275	Cao Ngọc Bảo Nam	30/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6	5.9	7.8			5	7.75	7	19.75	
12	400276	Lê Bảo Nam	12/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		5.2	4.1	5			3	2.5	1	6.5	
13	400277	Mai Hoàng Nam	01/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	T	G	7.3	8.3	7.6			6.5	8.25	3.8	18.55	
14	400278	Nguyễn Hạo Nam	23/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	K	Đ		5.2	4.5	5.7			5.25	3.75	3.6	12.6	
15	400279	Nguyễn Hoài Nam	11/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	K		7.1	7.8	8.6			6.75	8.25	7.4	22.4	
16	400280	Nguyễn Hữu Hải Nam	09/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	T	G	7.8	7.3	8.3			7	8.75	8.6	24.35	
17	400281	Trần Khắc Nam	18/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		5.8	6.5	5.3			6.5	8	7	21.5	
18	400282	Trương Công Nam	26/03/2009	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		6.7	4.9	4.2			6.25	5.25	3	14.5	
19	400283	Trần Thị Thúy Nga	21/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	T	G	8.4	8.2	7.4			7.25	8.5	5.8	21.55	
20	400284	Vũ Thị Nga	27/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		5.8	5.1	5.3			6	5.75	5.2	16.95	
21	400285	Nguyễn Bảo Ngân	18/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.5	5.9	5.2			6.5	5.75	5	17.25	
22	400286	Nguyễn Hoàng Kim Ngân	03/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		6	5.5	5.2			6.75	6.5	6	19.25	
23	400287	Võ Kim Ngân	10/01/2011	Tỉnh Tây Ninh	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		6.2	3.9	6.1			6.75	4.5	6.2	17.45	
24	400288	Vũ Kim Ngân	06/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		6.3	4	5.1			6.5	4.75	4.2	15.45	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	Ưu	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	400289	Hoàng Gia Nghĩa	28/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		6	5.2	5.6			7	7.5	5.4	19.9	
2	400290	Lưu Đức Nghĩa	08/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.8	7.1	8.7			7.25	8	7.8	23.05	
3	400291	Nguyễn Văn Nghĩa	19/07/2010	Thành phố Hồ Chí Minh	THCS Hải Hà	K	Đ		4.9	5.3	4.3			6	6	1.8	13.8	
4	400292	Lê Thị Thanh Ngọc	10/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	T	G	8.3	8.5	9.1			8.5	8.75	9.6	26.85	
5	400293	Lưu Thị Minh Ngọc	20/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	T	G	8.4	8.8	8.8			7.75	8.5	6.4	22.65	
6	400294	Nguyễn Kim Ngọc	13/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.6	6.4	6.7			7.75	8	3.8	19.55	
7	400295	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	05/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.8	5.5	6.6			7.5	8	3.6	19.1	
8	400296	Trần Bảo Ngọc	21/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		5.7	6	6.1			6.17	6.75	4	16.92	
9	400297	Lê Văn Nguyên	11/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	K	CĐ		4.7	4.9	4.2						0	
10	400298	Nghiêm Mạnh Nguyên	10/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		5.1	5.9	4.3			5.42	5.75	3.6	14.77	
11	400299	Trần Khải Nguyên	10/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		6.6	5.7	5.2			5.25	5.5	3.8	14.55	
12	400300	Trần Thị Thảo Nguyên	24/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	T	G	8.6	8.3	9.1			8	8.25	7.2	23.45	
13	400301	Nguyễn Thị Nhật Nguyệt	16/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7	5.1	6.5			7	7	2.4	16.4	
14	400302	Dương Anh Nhân	03/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.8	5.4	6.9			5.5	7.5	2.8	15.8	
15	400303	Lưu Thanh Nhân	11/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	T	G	6.7	8.5	8.7			6	9	7	22	
16	400304	Đậu Long Nhật	21/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		5.8	5.5	6			5.5	7	5.2	17.7	
17	400305	Lê Thanh Nhật	19/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	K	Đ		5.5	4.3	5.6			6	3	1.6	10.6	
18	400306	Mai Hưng Nhật	29/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		6.2	5.8	5.2			6	7.25	3.4	16.65	
19	400307	Vũ Long Nhật	16/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		6.1	5.7	5.4			6.75	7.25	4.6	18.6	
20	400308	Đậu Thị Nhi	04/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	K		5.9	7	5.3			6	7.5	5.8	19.3	
21	400309	Hồ Nguyễn Hà Nhi	09/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.5	7.2	8.4			7.75	7.75	7	22.5	
22	400310	Lê Thị Hoài Nhi	03/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		6.3	6.9	5.5			7.25	7.25	2	16.5	
23	400311	Lê Thị Yến Nhi	04/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		5	5.2	6.8			6	7.5	4.8	18.3	
24	400312	Lê Thị Yến Nhi	23/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		6.4	4.3	5.5			7.75	7	3.8	18.55	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	Ưu	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	400313	Nghiêm Thị Yến Nhi	15/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	T	G	8.3	8.4	8.9			7.5	8	6.8	22.3	
2	400314	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	28/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.2	5.9	6			7.25	6.5	4.4	18.15	
3	400315	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	04/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		5.2	4.3	6.3			6	3.25	3.4	12.65	
4	400316	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	02/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	K	Đ		4.2	3.6	5			3	2.75	3.2	8.95	
5	400317	Nguyễn Thị Yến Nhi	13/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.4	7.4	7.1			7.75	8.5	7.2	23.45	
6	400318	Phạm Thị Yến Nhi	14/05/2010	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	K	Đ		7	4.5	5.4			5.5	3	5.2	13.7	
7	400319	Trần Thị Quỳnh Nhi	25/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	T	G	9.4	8.2	8.5			9	8.25	8.2	25.45	
8	400320	Trần Thị Yến Nhi	09/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		6.2	6.3	6.4			5.5	6.5	5	17	
9	400321	Trần Thị Yến Nhi	26/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	K	Đ		6.5	5.5	5.1			7.17	4.25	3	14.42	
10	400322	Trần Vy Nhi	18/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	T	G	8	8.8	9.2			7.5	8.75	8.2	24.45	
11	400323	Mai Thị Hồng Nhung	16/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		7	8.1	8.4			6.25	7.5	6.4	20.15	
12	400324	Mai Thị Hồng Nhung	20/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		6.1	4.2	4.7			5.5	3.25	2.8	11.55	
13	400325	Trần Thị Nhung	09/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		7.6	6.4	6.5			7	7.75	4.4	19.15	
14	400326	Lê Thị Quỳnh Như	11/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		6	6.3	5.8			4.5	6.25	5.8	16.55	
15	400327	Nguyễn Thị Ái Như	22/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		6.3	5.2	5.8			7.5	7.25	3.8	18.55	
16	400328	Nguyễn Thị Quỳnh Như	10/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	T	G	8.1	8.6	8.5			7.75	8.5	6.2	22.45	
17	400329	Phan Thị Như	18/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	T	G	9	8.9	8.5			8.5	8.75	7	24.25	
18	400330	Trần Thị Quỳnh Như	03/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		6.2	5	5.7			6.75	7.25	3.4	17.4	
19	400331	Hoàng Thị Kim Oanh	28/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		7.9	8.1	7.5			8	8.25	6.8	23.05	
20	400332	Lê Thị Lý Oanh	11/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		5.5	5.2	6.3			7.5	7	4.2	18.7	
21	400333	Nguyễn Thị Kim Oanh	08/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		5.8	5.4	5.2			7	4.75	2.8	14.55	
22	400334	Nguyễn Thị Mai Oanh	07/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		7.2	6.6	5.9			7.25	7.5	4.4	19.15	
23	400335	Trần Thị Kim Oanh	16/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		6.6	5.3	5.6			7	6.75	2.8	16.55	
24	400336	Lê Kim Phát	17/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		7	5.7	5.8			8.25	6.75	4.4	19.4	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	Ưu	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	400337	Nguyễn Văn Hòa Phát	06/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		6	5.7	5.4			5	7	2.4	14.4	
2	400338	Trần Quang Phát	25/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	K	Đ		5.7	5	5.6			6.5	7	0.8	14.3	
3	400339	Lê Thanh Phú	06/09/2011	Tỉnh Đồng Nai	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		5.8	4.9	5.7			6.75	3.5	4.2	14.45	
4	400340	Hoàng Ngọc Phúc	14/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	T	G	8.2	8.7	7.9			8	9	9.6	26.6	
5	400341	Lê Văn Phúc	21/03/2010	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	K		6.7	6.8	5.9			7.25	7.75	5	20	
6	400342	Mai Đình Phúc	16/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		6	5.9	4.9			6.5	7.25	1.4	15.15	
7	400343	Nguyễn Văn Phúc	18/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.2	7.5	6.8			7	8.75	6.4	22.15	
8	400344	Trần Nguyễn Trí Phúc	14/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	T	G	8.3	7.2	7.8			7	8.75	7.6	23.35	
9	400345	Trần Văn Phúc	11/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		5.2	4.4	5.6			5.25	2	1.6	8.85	
10	400346	Vũ Đức Phúc	11/06/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.3	7.9	6.7			7	8.5	6.8	22.3	
11	400347	Nguyễn Văn Phước	06/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	Đ	CĐ		3.6	5	3.4						0	
12	400348	Trần Văn Phước	12/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		7	6.3	5.2			6.33	7.75	3.2	17.28	
13	400349	Đình Thu Phương	19/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		6.7	4.4	5.3			7	5.75	4.6	17.35	
14	400350	Hoàng Quỳnh Phương	11/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		6.2	4.5	7.3			7	7.5	6.8	21.3	
15	400351	Mai Thị Phụng	24/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		7.1	8.1	6.1			7.25	8	4.4	19.65	
16	400352	Đào Duy Nhật Quang	10/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		6.7	5.8	5.5			5.58	8	3	16.58	
17	400353	Đào Văn Quang	28/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		5.7	5.4	5			6.25	7.25	3	16.5	
18	400354	Nguyễn Văn Việt Quang	21/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.6	7.7	7.8			8	8.5	9.8	26.3	
19	400355	Trần Anh Quang	12/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	Đ	Đ		6.1	4.6	6.5			6.75	4.25	3.2	14.2	
20	400356	Lê Ngọc Quân	03/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	K	Đ		5.5	4.9	4.7			6.75	3.75	1.6	12.1	
21	400357	Lê Văn Tuấn Quân	05/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		5.5	5.9	3.7			6	7	2.4	15.4	
22	400358	Đồng Thị Quý	14/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		6.8	5.5	4.3			8	6.25	5.4	19.65	
23	400359	Hồ Công Quý	08/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		8.2	7.7	6.9			7.75	8.75	6.4	22.9	
24	400360	Nguyễn Thị Thu Quyên	30/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	K	Đ		6.2	4.2	4.5			5.75	4.75	5	15.5	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	Ưu	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	400361	Trần Thị Ánh Quỳnh	24/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		6.4	5.8	5.2			7.5	6	3.8	17.3	
2	400362	Trần Thị Quỳnh	17/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		7.8	6.8	6.1			7	7.25	3.6	17.85	
3	400363	Trần Gia Quyền	28/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		5.4	5.3	5			5.5	5.75	2.4	13.65	
4	400364	Dương Như Quỳnh	24/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		5.2	4.7	5.4			6.5	3.75	2.6	12.85	
5	400365	Lê Thị Như Quỳnh	05/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		6.1	5.3	6			7	3.75	4.4	15.15	
6	400366	Mai Thị Như Quỳnh	05/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		7.4	6.7	5.5			7.25	7	3.6	17.85	
7	400367	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	27/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.9	6.1	7.8			7.5	7.5	9.2	24.2	
8	400368	Trần Trúc Mai Quỳnh	19/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.9	5.5	5.9			7.5	7.25	5.8	20.55	
9	400369	Trịnh Thị Quỳnh	26/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		5	4.7	4.8			7.25	6.25	1.4	14.9	
10	400370	Đặng Bá Sang	04/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		5.7	5.2	4.9			6.5	7.5	2	16	
11	400371	Hoàng Tấn Sang	27/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		5.8	5.2	4.2			4.75	4	2.6	11.35	
12	400372	Nguyễn Minh Sang	17/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		5.4	4.7	5.4			5.5	4.75	4	14.25	
13	400373	Nguyễn Xuân Sang	08/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		5.7	5.7	6.8			4.25	6.25	5.2	15.7	
14	400374	Trương Công Sang	10/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		6.8	7.7	6.1			5.5	8	5.8	19.3	
15	400375	Lê Hữu Sáng	11/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		6.4	6.7	4.4			7.25	8	4.6	19.85	
16	400376	Nguyễn Hữu Sơn	29/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.9	7	6.7			8	8.5	7	23.5	
17	400377	Lê Đức Tài	11/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		6.3	7.6	6			7	8.75	3.4	19.15	
18	400378	Nguyễn Tấn Tài	31/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	K	CĐ		4.9	4.7	4.6						0	
19	400379	Lê Nguyễn Bảo Tâm	05/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	T	G	8.7	8.3	8.8			8.5	8.75	9.6	26.85	
20	400380	Nguyễn Hoài Tâm	09/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7	5.5	6.3			8.25	6	5.4	19.65	
21	400381	Nguyễn Thị Minh Tâm	06/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	K	Đ		6	6.5	5.5			8.25	7	5	20.25	
22	400382	Nguyễn Thị Tâm	07/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		5.8	6.7	6.3			7	7.25	4	18.25	
23	400383	Trần Thị Lê Tâm	09/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	T	G	8.4	8	8.5			8.5	8.25	9.2	25.95	
24	400384	Trần Thị Thanh Tâm	03/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	K		7.2	6.2	6.9			8	6.25	5.8	20.05	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	Ưu	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	400385	Nguyễn Hữu Hải Tân	08/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.8	6.5	6.2			7.5	7.75	5.2	20.45	
2	400386	Nguyễn Bá Thái	26/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.7	6.6	6.2			7.5	8.25	7.6	23.35	
3	400387	Nguyễn Tiến Thành	18/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	K		6	5.9	9			6	5.75	7.4	19.15	
4	400388	Hoàng Thị Thảo	16/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		7.9	6.6	5.3			7	7	3.6	17.6	
5	400389	Mai Nguyễn Phương Thảo	23/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		7.9	5.5	5.8			7.75	6.25	3.8	17.8	
6	400390	Đỗ Thị Thắm	19/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		5.2	4.8	5.1			6.25	3	3	12.25	
7	400391	Mai Đình Đức Thắng	06/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		7.9	8.9	7.1			7.25	8.75	5.4	21.4	
8	400392	Nguyễn Văn Thắng	25/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	K	Đ		5.6	4.9	5.3			6.75	6.5	2.6	15.85	
9	400393	Nguyễn Xuân Thắng	28/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		5.9	5	5.6			5.75	7.25	3	16	
10	400394	Lê Thanh Thêm	29/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	K	Đ		5.3	4.4	5.2			4.67	3	4	11.67	
11	400395	Mai Thi	25/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		7.4	5.5	6.7			7.75	6.75	4	18.5	
12	400396	Vũ Ngọc Thiên	15/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.3	5.8	7.2			7.75	6.25	8	22	
13	400397	Lê Đức Thiện	18/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		4.8	5.3	7			5.5	7	6.2	18.7	
14	400398	Nghiêm Xuân Thiện	20/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		5.1	4.6	6.9			4.5	5.5	5	15	
15	400399	Nguyễn Văn Thiện	26/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	K	CĐ		5.3	4.8	3.5						0	
16	400400	Dương Công Thịnh	23/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		5.9	5.3	5.5			6.5	6.75	4.8	18.05	
17	400401	Hoàng Đức Thịnh	31/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	K	Đ		4.7	5	4.9			6.33	2.75	4.2	13.28	
18	400402	Nguyễn Phạm Thế Thịnh	11/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		7	5.7	5.1			7	2.5	2	11.5	
19	400403	Trần Gia Thịnh	02/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	K		6.6	7.6	6.6			7.5	8.75	5.8	22.05	
20	400404	Hoàng Trung Thông	05/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	K		6.3	7.3	5.8			6.75	8.25	5.8	20.8	
21	400405	Nguyễn Văn Thông	29/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	T	G	6.6	8.7	8.3			6.5	8.5	6	21	
22	400406	Nguyễn Bá Thụ	22/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	K	Đ		5.4	5.8	5.9			6	4	6.6	16.6	
23	400407	Dương Công Thuận	11/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.8	6.5	7.2			7.25	8.5	8.2	23.95	
24	400408	Nguyễn Minh Thuận	21/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		4.9	5.2	5.9			5	7.5	4.8	17.3	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	Ưu	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	400409	Đậu Thị Thùy	02/12/2010	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	K		6.9	7.2	5.1			6.75	7.75	4.8	19.3	
2	400410	Phạm Thị Thùy	18/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		6.2	5.6	5.3			6	7.5	4	17.5	
3	400411	Cao Thị Thu Thùy	17/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		8	5.3	6.6			8	6.5	7.2	21.7	
4	400412	Cao Thị Ngọc Thúy	10/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.5	6.5	7			7.25	8	3.2	18.45	
5	400413	Cao Thị Anh Thư	10/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.3	6.3	6.9			7.25	6	5.8	19.05	
6	400414	Đỗ Thị Minh Thư	19/05/2011	Tỉnh Đồng Nai	THCS Nghi Sơn	T	Đ		5.5	5.7	5			5.5	5.25	3.6	14.35	
7	400415	Hoàng Thị Anh Thư	19/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.7	7.5	8			8.25	7.75	7.4	23.4	
8	400416	Lê Thị Anh Thư	13/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	K	K		7.2	7.3	6.7			7.25	7.25	4.6	19.1	
9	400417	Lê Thị Anh Thư	01/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	K	Đ		6.2	5.8	5.5			7	5.25	1.4	13.65	
10	400418	Lê Thị Anh Thư	24/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		6.5	4.6	5.1			7	4.75	2.2	13.95	
11	400419	Mai Anh Thư	24/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.3	5.6	7.1			7	7.75	4.8	19.55	
12	400420	Nguyễn Anh Thư	12/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		6.3	5.4	4.9			6.5	7	3.2	16.7	
13	400421	Nguyễn Anh Thư	07/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		6.4	5.6	5.9			7.25	7.75	2.2	17.2	
14	400422	Nguyễn Thị Minh Thư	28/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.9	5.3	6.6			7.5	6.5	4.6	18.6	
15	400423	Nguyễn Thị Quỳnh Thư	03/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		7.1	8.1	6.1			7.5	8.25	5.6	21.35	
16	400424	Phạm Trần Anh Thư	06/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		5.9	5.3	5.8			6	6.5	4.8	17.3	
17	400425	Nguyễn Văn Thực	06/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		4.9	6.3	5.4			5.5	6.75	3.2	15.45	
18	400426	Dương Thị Hoài Thương	15/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.8	6.8	7.1			7.5	7.75	7.2	22.45	
19	400427	Dương Thị Hà Tiên	14/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.6	6.6	7.2			7.5	8	5.6	21.1	
20	400428	Đậu Thị Yến Tiên	07/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	K	Đ		5.5	5.2	4.9			6	5	2.2	13.2	
21	400429	Đỗ Văn Tiến	20/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		6.5	6.9	4.9			6.25	7.75	3.4	17.4	
22	400430	Lê Mạnh Tiến	11/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	K	Đ		5.8	4.3	4.4			6.25	6.5	1.4	14.15	
23	400431	Mai Đình Tiến	04/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	K	Đ		5.5	4.5	5.2			6.25	6	2	14.25	
24	400432	Nguyễn Trần Minh Tiến	04/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.6	6.5	7			7.25	7.75	2.8	17.8	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	Ưu	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	400433	Nguyễn Bá Tình	27/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		6.7	5.5	5.5			7.25	3.5	4.8	15.55	
2	400434	Nguyễn Văn Tình	17/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		7.5	6.7	7.4			7	7.75	5.4	20.15	
3	400435	Dương Công Tới	20/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	K	Đ		6.2	4.7	6			7.25	2.75	4.6	14.6	
4	400436	Mai Thị Trà	14/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		6.8	4.8	5.1			6.75	5	2.8	14.55	
5	400437	Mai Thị Huyền Trang	20/11/2011	Tỉnh Đồng Nai	THCS Hải Hà	T	K		7.1	5.5	5.5			6.75	6.25	3.2	16.2	
6	400438	Phan Thị Thu Trang	02/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.8	8.3	8.2			6.75	9	9.6	25.35	
7	400439	Trần Thị Đoàn Trang	27/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	T	G	8.2	7	7.4			8.5	7	9	24.5	
8	400440	Trần Thị Trang	19/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		6.8	6	5.4			7	6.5	5.8	19.3	
9	400441	Trịnh Thị Trang	07/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		7.7	7.2	7.1			7.25	7.25	7.6	22.1	
10	400442	Lương Minh Tráng	19/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.8	7.1	7			6.25	8	7.8	22.05	
11	400443	Doãn Thị Bảo Trâm	26/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		5.4	3.5	4.8			6	2	5.6	13.6	
12	400444	Mai Thị Ngọc Trâm	19/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	T	G	8.3	9.2	8.4			8.5	9	7	24.5	
13	400445	Nguyễn Thị Bảo Trâm	28/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.2	6.5	6.2			7.5	7.5	7	22	
14	400446	Nguyễn Trần Bảo Trâm	30/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	K	K		7.3	7.5	6.1			8	7.25	7.4	22.65	
15	400447	Nghiêm Minh Trí	09/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.5	7.4	7			8.5	8.75	7.6	24.85	
16	400448	Hoàng Văn Minh Triết	09/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.9	7.2	6.8			7.75	7.5	6.2	21.45	
17	400449	Mai Đình Trọng	23/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		7.5	8.3	7.6			7.25	7.25	7.6	22.1	
18	400450	Lê Nguyễn Thanh Trúc	23/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	T	G	8.7	7.6	8.8			7.25	7.25	9.2	23.7	
19	400451	Lê Thị Trúc	24/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.3	6.5	7.3			6.75	6.25	8.2	21.2	
20	400452	Nguyễn Thanh Trúc	22/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.6	6.5	7.4			8.25	7.25	8	23.5	
21	400453	Dương Thị Việt Trung	14/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		5.7	4.5	5.4			6.25	2.5	5.6	14.35	
22	400454	Nguyễn Thành Trung	18/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.2	6.8	6.6			7.5	8	7.2	22.7	
23	400455	Lê Minh Trường	07/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		6.6	7.9	6.7			7.75	8.25	6.4	22.4	
24	400456	Ngô Quang Trường	22/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.8	6.3	6.1			7.25	6.25	5	18.5	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	Ưu	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	400457	Vũ Đình Xuân Trường	19/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		5.8	7.9	6.1			6.75	8	6	20.75	
2	400458	Cao Phạm Minh Trường	01/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.9	6.6	7.2			7.25	7.75	5.6	20.6	
3	400459	Ngô Quang Trường	24/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	K	Đ		4.7	4.5	5.7			3.25	3.5	3.6	10.35	
4	400460	Mai Hưng Trường	08/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		5.9	7.6	5.6			7	7.75	3	17.75	
5	400461	Mai Thị Cẩm Tú	18/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		5.5	5	5.1			4.25	2	2	8.25	
6	400462	Nguyễn Thị Thanh Tú	13/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.9	6	8.2			7	7.25	6.8	21.05	
7	400463	Cao Khả Tuấn	12/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.1	6.8	5.8			7.5	7.5	6	21	
8	400464	Nguyễn Anh Tuấn	16/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		6.8	8.2	7.7			7	8.25	7.2	22.45	
9	400465	Trần Quốc Tuấn	30/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	K	K		6.6	5.7	5.7			7.25	6.75	4	18	
10	400466	Đào Văn Tước	08/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		6.9	5.5	5.8			7.5	7.75	6	21.25	
11	400467	Đào Thị Tươi	20/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.8	6.6	7.9			7.75	8	4.2	19.95	
12	400468	Lê Duy Tường	04/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		6.4	5.9	6.2			6.25	7.25	4.8	18.3	
13	400469	Dương Ngọc Uyên	17/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		6	5.2	5.5			5.5	5.5	3.4	14.4	
14	400470	Lê Thị Nhâ Uyên	05/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.8	6.3	6.4			7.75	8	3.4	19.15	
15	400471	Mai Thị Bảo Uyên	25/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		7.2	6.8	6.8			6.75	7.75	4.6	19.1	
16	400472	Mai Thị Mai Uyên	19/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		5.8	5.6	5.6			7	5.25	1.4	13.65	
17	400473	Nguyễn Thị Lệ Uyên	20/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	K		6.6	7.5	6.8			5.5	8.5	5.4	19.4	
18	400474	Đồng Phúc Kiến Vãn	09/12/2010	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		5.2	5.2	4.3			3.75	5.75	2.2	11.7	
19	400475	Hoàng Thị Hồng Vãn	01/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		7	5	6			7	6.75	2.6	16.35	
20	400476	Vũ Thị Nhâ Vãn	16/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		6.7	5.7	5.5			6.5	6.25	1.8	14.55	
21	400477	Nguyễn Thị Hà Vi	25/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		6.7	5.9	5.8			7	8	2.4	17.4	
22	400478	Nguyễn Thị Tường Vi	05/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		5.1	4.6	5.5			7	4.75	1.8	13.55	
23	400479	Đậu Trần Minh Việt	10/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	K		5.3	7.3	9			6.5	8	6.2	20.7	
24	400480	Hoàng Khánh Vinh	18/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	T	G	7.7	8.4	8.7			7.5	8.5	8	24	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	ƯuT	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	400481	Nguyễn Đình Vinh	16/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		5.6	6.6	6.4			6.25	8.75	5.6	20.6	
2	400482	Đậu Minh Vũ	09/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		7.1	6.3	6.3			6.25	8.25	5.8	20.3	
3	400483	Đậu Văn Vũ	17/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		5.2	4.8	6.1			6.25	5.75	3.6	15.6	
4	400484	Mai Hưng Vũ	14/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		6.5	5.3	5			7.75	7	5.4	20.15	
5	400485	Nguyễn Hoàng Vũ	09/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		7.1	5.8	5.2			6.75	5.75	6.8	19.3	
6	400486	Hoàng Yến Vy	19/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	T	G	8	7.1	8.1			7.5	7.5	7.4	22.4	
7	400487	Lê Thị Phương Vy	11/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	K	K		6.5	5.7	6.5			5.25	5.75	5.6	16.6	
8	400488	Mai Thị Yến Vy	30/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		6.4	5	6.5			6.75	6.75	2.6	16.1	
9	400489	Nguyễn Hoài Vy	17/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	T	G	8	8	8.3			8.75	8.5	8	25.25	
10	400490	Nguyễn Ngọc Yến Vy	11/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	T	G	7.6	8.3	8.4			7.75	8.5	6.4	22.65	
11	400491	Nguyễn Thị Tường Vy	20/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		7.1	7.6	7.4			6.5	8	6.4	20.9	
12	400492	Nguyễn Thị Vy	24/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		7.7	6	6.6			6.75	8	3.2	17.95	
13	400493	Nguyễn Thị Yến Vy	24/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		6.9	7.4	7.9			6.75	8.25	5	20	
14	400494	Nguyễn Tường Vy	02/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		6.9	5.5	7.4			7.25	4	5.4	16.65	

Danh sách này gồm có 14 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	ƯuT	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	400495	Nguyễn Tường Vy	10/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		6.4	6.2	7.3			7	6.25	3.4	16.65	
2	400496	Vũ Tường Vy	06/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.8	8	8.2			7.75	8	6.8	22.55	
3	400497	Đậu Gia Vỹ	15/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		5.2	4.3	5			5.75	3.5	3.4	12.65	
4	400498	Hà Chí Vỹ	07/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	K		5.5	7.7	7.9			5	7.25	4	16.25	
5	400499	Lưu Khôi Vỹ	04/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	K		5.1	7.1	6.1			5.5	7.75	3.4	16.65	
6	400500	Trần Chí Vỹ	19/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		4.8	6.3	5.7			5.5	8	2.2	15.7	
7	400501	Trần Thị Thu Xinh	28/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		6.6	6.2	5.9			7	8	3.2	18.2	
8	400502	Nghiêm Thị Như Ý	21/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		5.1	5.4	5.9			6.5	7.25	3.2	16.95	
9	400503	Dương Thị Bảo Yến	28/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	Đ		5.6	4.9	6.5			4.5	2.75	2.6	9.85	
10	400504	Mai Thị Kim Yến	28/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	Đ		6.1	6.3	5.8			5.75	7.25	3.4	16.4	
11	400505	Nguyễn Thị Yến	25/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hải Hà	T	K		7.2	6.2	6.1			6.75	6.25	1.6	14.6	
12	400506	Phan Thị Hải Yến	18/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Nghi Sơn	T	Đ		6.5	5.5	6.4			7	5.75	3.2	15.95	
13	400507	Vũ Hoàng Yến	15/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Thcs&thpt Nghi Sơn	T	K		7.3	6.7	8.2			7.25	6.75	6.2	20.2	

Danh sách này gồm có 13 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)